**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

**Thứ tự tiết: Từ tiết 29 đến tiết 44**

**BÀI 3: VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**Thời gian thực hiện: 13 tiết**

**I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)**

**1. Về kiến thức:**

- Tri thức ngữ văn (thơ lục bát, cách viết thơ lục bát, đề tài và cảm xúc về thơ lục bát).

- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.

**2. Về năng lực:**

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện ý nghĩa của văn bản.

- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- Yêu vẻ đẹp quê hương.

- Vận dụng kiến thức để thực hành vào bài kiểm tra đánh giá năng lực của bản thân.

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái, tự hào, trân quý những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương.

- Có ý thức tự học, tự rèn luyện để trau dồi kiến thức.

- Trung thực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS. Đề kiểm tra giữa kì

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**DẠY HỌC ĐỌC HIỂU**

**Tiết 29-30 VB 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

**- Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số lớp học

**- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh:** Kiểm tra việc soạn bài. Học sinh kiểm tra chéo.

**- Kiểm tra bài cũ:** Kể lại một truyện cổ tích mà em thích? Qua truyện ấy, em rút ra bài học gì cho bản thân và lời khuyên của em đối với mọi người?

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN DỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

**1.2. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**1.3. Cách thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức nhanh trò chơi “Khám phá vẻ đẹp quê hương”  - GV chiếu hình ảnh cảnh đẹp quê hương lên màn hình.  ? Em đã bao giờ đi tham quan những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở Việt Nam chưa? Khi đi tham quan những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đó em có những cảm xúc và suy nghĩ gì?  ? Em có cảm nhận như thế nào về những cảnh đẹp của quê hương?  ? Cụm từ “vẻ đẹp quê hương” khiến em nghĩ đến điều gì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | 🡪 Cụm từ “vẻ đẹp quê hương” gợi ra cho em là những khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp trên mọi miền đất nước từ thành thị đến thôn quê, từ miền núi đến đồng bằng |

**

**

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:** Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần nhịp của thơ lục bát*.*

**2.2. Nội dung:** Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ*.*

**2.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu đặc điểm thể thơ lục bát** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận nhóm đôi  + Giáo viên in PHT 1a kết hợp với trình chiếu ví dụ.  + Sau khi phân tích ví dụ, rút ra kết luận: khái niệm, cách gieo vần, thanh điệu, ngắt nhịp  + Gv tiếp tục yêu cầu học mở PHT 1b (mặt sau của 1a): Ghi các ví dụ vào mô mình và nhận xét (về thanh điệu bằng trắc, cách gieo vần, ngắt nhịp…)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở (nhắc lại về thanh điệu bằng (B), trắc (T))  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh. | 1) Cặp câu thơ lục bát: 1 dòng 6 tiếng , 1 dòng 8 tiếng luân phiên.  2) Tiếng bằng là tiếng: Có thanh huyền và thanh ngang (không dấu), kí hiệu B.  3) Tiếng trắc là tiếng: Có thanh sắc, hỏi, ngã, nặng, kí hiệu là T.  4) Cách gieo vần:  - Tiếng thứ 6 của câu 6 hiệp vần với tiếng thứ 6 câu 8.  - Tiếng thứ 8 của câu 8 hiệp vần với tiếng thứ 6 câu tiếp theo.  5) Luật bằng, trắc trong thơ lục bát là:  - Các tiếng lẻ: 1, 3, 5, 7 tự do,  - Các tiếng chẵn 2, 4, 6, 8 theo luật (B, T, B, B).  6) Cách ngắt nhịp phổ biến trong thơ lục bát là nhịp chẵn: nhịp 2/2/2, 2/4, 4/2, 2/2/2/2, 4/4, 2/4/2. |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| - GV cho HS xem 1 số hình ảnh về 36 phố phường của Hà Nội xưa.  - Đọc bài ca dao  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau vào giấy A0 sau đó lên thuyết trình (hãy dán những hình ảnh mà nhóm sưu tầm được vào giấy A0)  **?** Qua bài ca dao này, hình ảnh thành Thăng Long hiện lên trong tâm trí em như thế nào?  **?** Những từ ngữ, hình ảnh nào của dòng ca dao giúp em có được những tưởng tượng đó?  ? Những câu thơ nào cho các em biết được những địa danh phố phường của Hà Nội xưa? Qua đó thể hiện điều gì?  **?** 5 câu ca dao tiếp theo gợi hình ảnh phố phường Hà Nội như thế nào?  **?** CHTL: Hình ảnh kinh thành Thăng Long được gợi lên trong bài ca dao số 1 có điểm gì đặc biệt? Những từ ngữ như “phồn hoa thứ nhất Long Thành”, “người về nhớ cảnh ngẩn ngơ” đã góp phần thể hiện sắc thái cảm xúc gì của tác giả về đất Long Thành?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  + Các con phố ở nước ta thường đặt tên bằng cách lấy theo tên của các danh nhân, những người có công lao lớn: Phố Nguyễn Du, Nguyễn Huệ; Hai Bà Trưng, Phan Đình Phùng….  + Tên phố ở Thăng Long xưa thường gắn liền với các sản phẩm buôn bán chính tại đó. Phố Hàng Bạc thường sẽ bán bạc, phố Hàng Chiếu thì bán chiếu; phố Hàng Bông sẽ làm nghề bật bông, bán chăn bông, đệm; Phố Hàng Gà là nơi tập trung các cửa hàng bán các loại gia cầm.  **2. Bài ca dao 2:** Dùng hình ảnh minh họa cho việc đối đáp để dẫn vào bài ca dao 2  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức thảo luận nhóm theo hình thức nhóm đôi kết hợp PHT số 1 để tìm hiểu bài ca dao số 2  *+ Hình thức bài ca dao số 2 có gì đặc biệt?*  *+ Tìm hiểu về lời đố của cô gái và lời đáp của chàng trai? Qua đó em nhận thấy vẻ đẹp nào của đất nước được nhắc tới?*  *+ Cảm xúc, thái độ của tác giả dân gian được thể hiện như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV chiếu cho HS xem một số hình ảnh:  \* Trận chiến đấu trên sông Bạch Đằng.  \* Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn chiến thắng giặc Minh.  **3. Bài ca dao 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử dụng kĩ thuật phòng tranh  *+ Vùng đất Bình Định được nhắc tới qua những địa danh và món ăn nào? Theo em những địa danh và món ăn đó gợi ra điều gì?*  *+ Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài ca dao? Nêu tác dụng của biện pháp đó?*  *+ Cảm nhận của em về vẻ đẹp của vùng đất Bình Định?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV chiếu tranh cho HS xem và giải thích thêm  **4. Bài ca dao 4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *+ Hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” giúp em hiểu gì về vùng Đồng Tháp Mười?*  *+ Nhận xét về tác dụng của biện pháp nghệ thuật có trong bài ca dao số 4?*  *+ Em hãy cho biết tình cảm của tác giả với vùng đất này?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Bài ca dao 1:**      *Phố Hàng Tre Phố Hàng Mắm*  🡪Là nơi đông đúc, nhộn nhịp với 36 phố phường buôn bán tấp nập với những tên phố hiện lên cũng đầy ấn tượng và có nét đặc trưng riêng cho từng con phố.  🡪Tác giả dân gian miêu tả đường phố Thăng Long dọc ngang, xen dày như các sợi chỉ được mắc trên khung cửi dệt vải, như các ô trên bàn cờ. (“mắc cửi” và “bàn cờ”)  🡪13 câu đầu: Niềm tự hào về 36 phố phường của Hà Nội xưa  🡪5 câu tiếp theo:  + Phồn hoa, phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ: sự đông đúc,nhộn nhịp của phố phường Hà Nội  + Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ: Tình cảm lưu luyến khi phải xa Long Thành  🡪Hình ảnh kinh thành Thăng Long hiện lên với đầy đủ tên gọi của 36 phố phường. Những từ ngữ như “phồn hoa thứ nhất Long Thành”, “người về nhớ cảnh ngẩn ngơ” đã góp phần thể hiện niềm tự hào về sự đông đúc, nhộn nhịp của phố phường Hà Nội và thể hiện tình cảm lưu luyến của tác giả khi phải xa Long Thành.  Lụa Cốm  Hà  Đông    Bánh chưng Tranh Khúc Gốm Bát Tràng    **2. Bài ca dao 2:**  - Giới thiệu về một vẻ đẹp khác của quê hương: Vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc  - Hình thức: Lời hỏi-đáp của chàng trai và cô gái.  - Tác giả dân gian đã giới thiệu địa danh lịch sử, gắn với những chiến công lịch sử oanh liệt của dân tộc (ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn chiến thắng giặc Minh).  => Niềm tự hào và tình yêu với quê hương đất nước.        **3. Bài ca dao 3:**  - Gợi lên vẻ đẹp của vùng đất Bình Định:  + Vẻ đẹp thiên nhiên, của lịch sử đấu tranh anh hùng (chiến công của nghĩa quân Tây Sơn ở đầm Thị Nại),  + Lòng chung thuỷ, sắt son của người phụ nữ (núi Vọng Phu),  + Những món ăn dân dã đặc trưng nơi đây.  - Phép điệp từ “có” trong câu lục bát “Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh.”  🡪 Nhấn mạnh những nét đẹp đặc trưng của Bình Định và thể hiện lòng tự hào của tác giả dân gian về mảnh đất quê hương.  - Đặc điểm của thể thơ lục bát qua bài ca dao:   |  |  | | --- | --- | | Đặc điểm thể loại thơ lục bát | Biểu hiện trong bài ca dao số 3 | | Số dòng thơ | 4 dòng (2 dòng lục, 2 dòng bát) | | Số tiếng trong từng dòng | Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng | | Vần trong các dòng thơ | Phu-cù; xanh- anh- canh | | Nhịp thơ của từng dòng | Dòng 1:2/4  Dòng 2: 4/4  Dòng 3: 4/2  Dòng 4: 4/4 |     Núi Vọng Phu Đầm Thị Nại  **4. Bài ca dao 4:**  - “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” 🡪Những hình ảnh thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng  - Thể hiện niềm tự hào về sự giàu có của thiên nhiên vùng Đồng Tháp Mười. |
| **III. Tổng kết** | |
| **?** Những vẻ đẹp của quê hương được thể hiện xuyên suốt trong bốn bài ca dao trên là gì?  **?** Qua đó, tác giả dân gian thể hiện tình cảm gì với quê hương, đất nước?  **?** Dựa vào đâu, em nhận định như vậy? | - Bốn bài ca dao đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương qua vẻ đẹp thiên nhiên, con người, truyền thống lịch sử đấu tranh, văn hoá của vùng đất.  - Qua đó tác giả thể hiện tình cảm, sự tự hào về quê hương, đất nước.  - Dựa vào những hình ảnh, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật được các tác giả dân gian thể hiện qua từng bài ca dao. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:**

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

- Củng cố lại kiến thức đã học.

**3.2. Nội dung:** Sử dụng PHT số 3 làm bài tập và để ghi lại những điều biết được qua văn bản, những điều còn băn khoăn

**3.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *+ Trong 4 bài ca dao trên, em thích bài nào nhất? Vì sao? Em hãy đọc một bài ca dao về địa phương mình (vùng/tỉnh/huyện/xã….) và nêu cảm nhận về bài cao dao đó?*  *+ GV tổ chức một trò chơi “Mảnh ghép bí mật”*  *Mảnh ghép bí mật là tên một con phố. Để mở được các mảnh ghép bí mật, học sinh phải trả lời đúng câu đố.*  *1. Phố gì có dáng lừ lừ cua đi?*  *2. Phố gì vật gáy hừng đông rạng dần?*  *3. Phố gì bao bọc quanh thân thể mình?*  *4. Phố gì tới bữa cầm tay?*  *5. Phố gì căng gió ra khơi?*  *6. Phố gì che nắng che mưa mái đầu?*  *7. Phố gì đen nhẻm trời ơi?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Cho đến nay, Phố Cổ vẫn là khu buôn bán nhộn nhịp nhất của Hà Nội. Tuy nhiên đa phần các con phố đã đổi mặt hàng buôn bán, không còn sản xuất các mặt hàng theo tên gọi trước kia nữa. Như phố Hàng Gà chuyển qua in thiệp cưới, phố Hàng Than thì bán đa dạng các mặt hàng… Phố Hàng Mã có lẽ là một trong những con phố còn lại bán những mặt hàng theo đúng tên gọi “hàng mã”. Vào mỗi dịp lễ tết, đặc biệt là Tết trung thu, người dân HN thường lên phố Hàng Mã để thưởng thức không khí, chụp ảnh và mua sắm những món đồ chơi yêu thích. | - Học sinh đưa ra được quan điểm, ý kiến cá nhân và lí giải  - Tùy theo từng địa phương để đưa ra câu ca dao phù hợp.  - Mảnh ghép bí mật là phố Hàng Mã  1. Phố Hàng Ngang  2. Phố Hàng Gà  3. Phố Hàng Da  4. Phố Hàng Bát  5. Phố Hàng Buồm  6. Phố Hàng Nón  7. Hàng than    *Phố Hàng Mã* |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức hiểu biết về những bài ca dao để nêu lên nhận xét, ý kiến đánh giá của cá nhân.

**4.2. Nội dung:** Hoàn thành bảng tổng kết

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **? CHTL:** Điền vào bảng sau ít nhất một từ ngữ hoặc hình ảnh độc đáo của mỗi bài ca dao và giải thích vì sao em chọn từ ngữ, hình ảnh ấy.  **?** Trong bốn bài ca dao trên, em thích nhất bài nào? Vì sao? | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bài ca dao | Từ ngữ, hình ảnh độc đáo | Giải thích | | 1 | Phồn hoa thứ nhất Long Thành/ Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ. | Câu thơ gợi lên hình ảnh kinh thành Thăng Long đông đúc, nhộn nhịp, đường xá. | | 2 | Sâu nhất là sông Bạch Đằng/ Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan. | Thể hiện được vẻ đẹp và lòng tự hào về lịch sử quê hương. | | 3 | Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh | Điệp từ “có” thể hiện lòng tự hào về những cảnh đẹp quê hương gắn liền với lịch sử. | | 4 | tôm sẵn bắt, trời sẵn ăn | Hình ảnh thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên ban tặng người dân Tháp Mười. |   VD: Em thích nhất là bài ca dao số 1, bài thơ đã thể hiện được vẻ đẹp phồn hoa đô thị của phố phường Hà Nội xưa. Đó chính là niềm tự hào về mảnh đất kinh thành, nơi hội tụ tinh hoa của đất nước. |

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a. Phần vừa học:** - Tìm dọc them một số bài ca dao cùng thể loại, cùng chủ đề.

- Hiểu đặc điểm của thơ lục bát.

- Phân biệt thế nào là ca dao

- Học thuộc một số bài ca dao

**b. Phần sắp học: Đọc văn bản 2: Việt Nam quên hương ta**

- Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Đình Thi.

- Đọc văn bản, hình dung vẻ đẹp về phong cảnh và con người Việt Nam.

- Trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi theo hiểu biết của em.

**Ngày soạn: 24/10/2023**

**Ngày dạy: 28/10/2023**

**Tiết 31-32: VĂN BẢN 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA**

**NGUYỄN ĐÌNH THI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

-  Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên và vẻ đẹp của con người Việt Nam

- Đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện trong văn bản “Việt Nam quê hương ta”.

**2. Năng lực:**

-  Nhận biết được các đặc điểm của thể thơ lục bát: số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được những nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB;

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp quê hương; tự hào về quê hương, đất nước

- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

**- Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số lớp học

**- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh:** Kiểm tra việc soạn bài. Học sinh kiểm tra chéo.

**- Kiểm tra bài cũ:**

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN DỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

**1.2. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**1.3. Cách thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Cách 1:  *+ Nếu chọn một hình ảnh làm biểu tượng cho Việt Nam, em sẽ chọn hình ảnh nào?*  *+ Em biết bài thơ hoặc bài hát nào viết về quê hương?*  Cách 2:  - GV cho HS quan sát video “Hãy đến với con người Việt Nam” (sáng tác: Xuân Nghĩa)  ? Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?  - GV giới thiệu một số hình ảnh về nét đẹp quê hương  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi hs 2-3 hs bất kì trả lời  - HS trình bày sản phẩm thảo luận. Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  - Sau khi Hs chia sẻ quan điểm cá nhân, GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới | **\* Hình ảnh làm biểu tượng cho Việt Nam:**  VD: Em sẽ chọn cảnh đẹp Hồ Gươm. Vì hình ảnh Hồ Gươm nằm giữa thủ đô Hà Nội với làn nước xanh biếc, gắn với câu chuyện kể về truyền thuyết đầy ý nghĩa  lịch sử.  Hoặc: em chọn hình ảnh vịnh Hạ Long vì đây là vùng biển tuyệt đẹp, được UNESCO hai lần công nhận là di sản thiên nhiên của thế giới.  **\* Bài hát về quê hương:**  - Bay qua Biển Đông (nhạc sĩ: Lê Việt Khánh  - Hãy đến với con người Việt Nam (sáng tác: Xuân Nghĩa)  - Hello Vietnam (Phạm Quỳnh Anh)  - Việt Nam ơi (Minh Beta)  **\* Bài thơ về quê hương:**  - Quê Hương - Tác Giả: Đỗ Trung Quân  - Việt Nam Quê Hương Ta - Tác giả: Nguyễn Đình Thi  - Quê Hương - Tác Giả: Tế Hanh |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:**

- Giúp HS nêu được những nét chính về nhà thơ Nguyễn Đình Thi và bài thơ “Việt Nam quê hương ta”.

- Đọc và tìm hiểu chú thích, biết được PTBĐ chính của bài thơ, nhận diện được thể thơ.

- Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên và vẻ đẹp của con người Việt Nam …

**2.2. Nội dung:** - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**2.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn học sinh cách đọc: *đọc diễn các câu thơ lục bát, hướng dẫn học sinh cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả về về vẻ đẹp quê hương.*  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Nguyễn Đình Thi?  **?** Nêu phương thức biểu đạt của bài thơ?  **?** Xác định thể thơ?  **?** Tám dòng thơ này giúp em hình dung gì về phong cảnh và con người Việt Nam?  **?** Những dòng thơ này gợi cho em nghĩ đến đặc điểm nào của truyền thống dân tộc?  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ  sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tác giả**  - Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)  - Sinh ở Luông- phơ- ra- bang (Lào).  - Quê gốc: Hà Nội  - Ông là nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, sáng tác kịch, âm nhạc.  - Chủ đề quan trọng của ông là ca ngợi quê hương.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tìm hiểu chú thích: sgk  b) Tìm hiểu chung  - PTBĐ chính: Biểu cảm.  - Thể thơ: Lục bát.  🡪 Tám dòng thơ này đã gợi cho em hình dung đến phong cảnh đất nước hữu tình có những cánh đồng lúa trải dài thẳng cánh cò bay, những dãy núi bồng bềnh trong mây. Đất nước Việt Nam còn có những những người dân bao đời nay cần cù, chịu khó, vất vả một nắng hai sương trên đồng ruộng, Họ cũng chịu nhiều thương đau, trải qua bao cuộc chiến tranh ác liệt và những mất mát hi sinh.  🡪 Những câu thơ này gợi cho em nghĩ đến truyền thống anh hùng, anh dũng trong đấu tranh của nhân dân. Những người dân lành khi kẻ thù xâm lăng, họ sẵn sàng vùng lên chiến đấu để bảo vệ đất nước. |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ: **?** Em hãy chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp của bốn dòng thơ đầu bằng cách điền vào mô hình trong phiếu học tập số 1.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ, thảo luận và ghi vào phiếu  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động, gọi hs trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trình bày sản phẩm thảo luận, lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  **?** Tìm những từ ngữ thể hiện hình ảnh, màu sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương ?  **?** Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh của cảnh sắc quê hương?  **?** Em có nhận xét gì về cảnh sắc quê hương?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ, thảo luận và ghi vào phiếu.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận, - Các nhóm khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** Phát phiếu học tập số 3 & đặt câu hỏi:  **?** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh, từ ngữ đặc sắc được dùng để khắc hoạ vẻ đẹp của con người Việt Nam trong đoạn thơ còn lại.  **?** Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh của con người Việt Nam?  **?** Em có nhận xét gì về con người  Việt Nam?  → Con người Việt Nam nổi bật với vẻ đẹp giản dị, chịu thương, chịu khó cùng những phẩm chất tốt đẹp kiên cường, bất khuất, thủy chung và tài năng khéo léo.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ, thảo luận và ghi vào phiếu.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả.  - HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** Suy nghĩ, tìm hiểu cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động:** Trình bày ý kiến cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Cách gieo vần, ngắt nhịp ở 4 câu thơ đầu**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiếng**  **Dòng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | Câu 1 |  |  |  |  |  | ơi |  |  | | Câu 2 |  |  |  |  |  | trời |  | hơn | | Câu 3 |  |  |  |  |  | rờn |  |  | | Câu 4 |  |  |  |  |  | sơn |  |  |   + Nhịp câu 6: 2/2/2, câu 8: 4/4  + Lưu ý: Để nhấn mạnh ý, đôi khi câu thơ sẽ ngắt nhịp lẻ.  **2. Vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Nam**  a. Vẻ đẹp thiên nhiên   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Xác định** | **Tác dụng** | | **Những hình ảnh tiêu biểu** | Gần gũi "biển lúa", "cánh cò", "mây mờ", "núi Trường Sơn", "hoa thơm quả ngọt". | Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, yên bình, mênh mông, khoáng đạt. Nền cảnh đặc trưng của Việt Nam | | **Màu sắc** | Tươi sáng, rực rỡ: màu xanh của lúa, núi non, nền trời. Màu trắng cánh cò, mây. Màu của hoa thơm quả ngọt. | | **Biện pháp nghệ thuật** | + Ẩn dụ: Biển lúa  + So sánh: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn |   b. Vẻ đẹp con người Việt Nam   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Vẻ đẹp người VN** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **BPNT** | | Chịu thương chịu khó: | + “Mặt người vất vả in sâu”  + "chịu nhiều thương đau".  + "áo nâu nhuộm bùn."  + "nuôi những anh hùng" |  | | Bất khuất anh hùng: | +"Chìm trong máu lửa vùng đứng lên".  + "Đạp quân thù xuống đất đen". | BP nói quá  → Không khuất phục trước khó khăn.  → Căm thù quân giặc. | | Hiền lành, ân tình, thủy chung: | + "hiền như xưa" → Người dân Việt Nam luôn hiền lành, chỉ khi đấu tranh mới kiên cường, bất khuất.  + Yêu nước → Đấu tranh vì dân tộc, đuổi quân xâm lược.  + "Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung." |  | | Tài năng: | + "Trăm nghề trăm vùng".  + "Dệt thơ trên tre". | → So sánh "Tay người như có phép tiên". |   **3. Tình cảm của tác giả**  - Ca ngơi, tự hào về đất nước, quê hương  + Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn,  + Quê hương biết mấy thân yêu  - Sự đồng cảm với những vất vả, hi sinh của người dân.  + Bao nhiêu đời đã chịu nhiều đau thương  + Mặt người vất vả in sâu  →Tình  cảm yêu mến, quý trọng với đất nước, dân tộc. |
| **III. Tổng kết** | |
| **?** Tóm tắt đặc trưng nghệ thuật và giá trị nội dung của bài thơ. | 1. Nội dung: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên cũng như con người Việt Nam.  2. Nghệ thuật: Thể thơ lục bát kết hợp những biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nói quá. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**3.2. Nội dung:** Gv sử dụng kĩ thuật bản đồ tư duy.

Học sinh hoàn thiện bản đồ tư duy để khái quát lại bài.

**3.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv sử dụng kĩ thuật bản đồ tư duy. Học sinh hoàn thiện bản đồ tư duy để khái quát lại bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ hoàn thiện sơ đồ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bàysản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Tổng kết ý kiến về cảm nhận qua bài học và rút ra bài học ứng xử.

**4.2. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi vận dụng cho bản thân.

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Văn bản trên gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương? Bản thân em cần có trách nhiệm gì đối với quê hương đất nước?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc, suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, gợi ý  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - 4-5 em chia sẻ suy nghĩ, ý kiến của bản thân  - HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Văn bản đã gợi cho em về một đất nước Việt Nam với rất nhiều cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, hung vĩ, giàu sức sống và những con người cần cù, chịu khó trong lao động; anh hùng, kiên cường trong chiến đấu; thuỷ chung, son sắt trong tâm hồn và hiền lành, chăm chỉ, trong cuộc sống đời thường.  - Trách nhiệm:  + Yêu mến, quý trọng, biết ơn các thế hệ cha ông đã xây dựng và bảo vệ đất nước  + Tự hào về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam  + Kế thừa, phát huy những mặt tích cực  + Giới thiệu, quảng bá quê hương đất nước cho bạn bè  + Ra sức học tập, rèn luyện để trở thành người có ích… |

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a. Phần vừa học:**

- Học thuộc lòng bài ca dao mà em yêu thích, phân tích nội dung và nghệ thuật.

- Sưu tầm một số bài ca dao ca ngợi về đất nước Việt Nam.

**b. Phần sắp học: Đọc kết nối chủ điểm**

**“Về bài ca dao đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…”**

- Tìm hiểu về tác giả Bùi Mạnh Nhị.

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi.

**Ngày soạn: 27/10/2023**

**Ngày dạy: 01/11/2023**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**Tiết 33: VỀ BÀI CA DAO ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...**

**– Bùi Mạnh Nhị –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Vẻ đẹp đất nước

**2. Năng lực:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ

- Liên hệ, kết nối với VB “*Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*”, “*Việt Nam quê hương ta*” để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương*

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

**3. Phẩm chất:**

**-** Yêu nước, yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp quê hương;

- Tự hào về quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

- Sưu tầm ca dao viết về cây lúa và sản phẩm từ lúa

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC:**

- Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp học

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh: Kiểm tra việc soạn bài: Học sinh kiểm tra chéo.

- Kiểm tra bài cũ: Trong chùm ca dao về “Việt Nam quê hương ta”,em thích bài ca dao nào? Đọc thuộc lòng và phân tích nội dung, nghệ thuật bài ca dao ấy?

**2. TRONG GIỜ HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP.**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước .

**1.2. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề - trình chiếu hình ảnh để học sinh quan sát, chia sẻ hiểu biết, suy nghĩ về bức tranh.

**1.3. Cách thức:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên cho học sinh xem video (hình ảnh) về cánh đồng lúa và yêu cầu học sinh chia sẻ cảm nhận.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, trao đổi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- Khuyến khích HS đọc vài câu ca dao, bài thơ, bài hát về cánh đồng lúa.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Cây lúa là loại cây lương thực quan trọng nhất trong đời sống của người Việt Nam chúng ta. Có lẽ vì thế mà từ xa xưa, cây lúa đã đi vào thơ ca bằng những hình ảnh đẹp nhất, sinh động nhất,….



**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Mục tiêu:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ

- Liên hệ, kết nối với VB “ *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*”, “*Việt Nam quê hương ta*” để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương*

**2.2. Nội dung:** GV cung cấp thông tin để HS đọc văn bản và đặt câu hỏi .

**2.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Bùi Mạnh Nhị và văn bản về bài ca dao "Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng..."  **b) Nội dung:**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Tổ chức thực hiện:** | |
| - Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ  - GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB*.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  **?** Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu vài nét khái quát về tác giả Bùi Mạnh Nhị?  **?** Xác định và chỉ ra PTBĐ chính và thể thơ trong bài thơ?  **?** Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc văn bản  - Gv quan sát, gợi ý, hỗ trợ hs  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trả lời câu hỏi; nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức**?** | **1. Tác giả Bùi Mạnh Nhị**    - Bùi Mạnh Nhị (1955)  - Quê quán: Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định  - Danh hiệu giải thưởng, huân huy chương:  + Nhà giáo Ưu tú. + Huân chương Lao động hạng Nhất.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.  **-** Đọc và tìm hiểu chú thích: SGK/66-67  - PTBĐ chính: Nghị luận.  - Bố cục:  + P1: Từ đầu …đầy sức sống: Điểm đặc biệt về hình thức nghệ thuật  + P2: Trên cái nền…thầm kín và hồn nhiên?”: Mối quan hệ giữa cánh đồng và cô gái  + P3: Phần còn lại: Vấn đề bài thơ là lời của ai? |
| **II. Đọc hiểu văn bản**  **a) Mục tiêu:** - Tìm được những điểm đặc biệt về hình thức nghệ thuật  - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật.  **b) Nội dung:** - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm theo KT khăn phủ bàn.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.  **c) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép (lớp có 42 học sinh, trường hợp nhiều hay ít hơn GV linh hoạt công thức)  - Vòng 1: Nhóm chuyên gia (10 phút): Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm  + Nhóm 1: Những hình ảnh đặc sắc nào của quê hương được khắc họa qua bài ca dao “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng? Những hình ảnh đó đã tạo ra bức tranh đồng quê như thế nào?  + Nhóm 2: Tác giả đề cập đến những nét độc đáo nào của bài ca dao?  + Nhóm 3: Theo tác giả bài ca dao đã đề cập đến những vẻ đẹp nào của quê hương? Dựa vào đâu mà em nhận ra điều ấy?  + Nhóm 4: Bài viết thể hiện cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao? Nêu một số chi tiết trong văn bản làm căn cứ cho ý kiến của em?  - Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép(15 phút): Hình thành 4 nhóm mới: mỗi nhóm sẽ có 2 người cũ + 8 người từ các nhóm khác. Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, suy nghĩ, thảo luận, trao đổi kết quả vòng chuyên gia  - Gv quan sát, gợi ý, hỗ trợ hs  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - GV gọi nhóm bất kì báo cáo kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Điểm đặc biệt về hình thức nghệ thuật**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Hình thức** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | | Những dòng thơ khác với dòng thơ bình thường, được kéo dài tới 12 tiếng. | Những từ ngữ chỉ hình ảnh địa điểm hồn nhiên, mộc mạc đầy tính địa phương: ni, tê. | + Phép đối xứng: Đứng bên ni đồng - Đứng bên tê đồng; Mênh mông bát ngát - Bát ngát mênh mông.  + Điệp từ, điệp ngữ: Đứng bên, ni đồng, tê đông, mênh mông, bát ngát. | Gợi sự mênh mông, to lớn, tươi đẹp của cảnh; sự thay đổi vị trí góc nhìn của con người. |   **2. Mối quan hệ giữa cánh đồng và cô gái**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đối tượng miêu tả** | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | | 2 câu đầu miêu tả thiên nhiên, sang đến 2 dòng cuối nhắc đến con người  -> làm cho cảnh có hồn hơn. | - So sánh: Cô gái với “Chẽn lúa đòng đòng”, “Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”.  - Đối lập: Cánh đồng mênh mông >< Cô gái nhỏ bé, mảnh mai. Người con gái mảnh mai đó đã làm ra sự mênh mông của cánh đồng. | - Sự trẻ trung, duyên dáng, tràn đầy sức sống.  - Hai hình ảnh: cánh đồng và cô gái đã hợp thành bức tranh đồng quê đầy tươi sáng, sinh động. |   **3. Bài thơ là lời của ai?**  - Bài có thể là lời của cô gái. → Lời tự khen thầm kín và hồn nhiên.  - Bài có thể là lời của chàng trai làng nào đó. → Ẩn sau tình cảm với cánh đồng quê hương là tình cảm lứa đôi kín đáo, tế nhị.  **4. Tình cảm của tác giả**  - Sự yêu mến, trân trọng với vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương (VD: chi tiết tác giả nói về cánh đồng: cánh đồng không chỉ rộng lớn, mênh mông mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống; đó chính là con người, là cô thôn nữ thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống…).  - Thể hiện sự bất ngờ, thú vị bởi sự sâu sắc của bài thơ (bài ca dao gây ấn tượng ngay từ những dòng thơ đầu, tuy nhiên bài ca dao có thể còn mang nhiều tinh ý khác, tuỳ vào việc hiểu đó là lời ai nói, ai hát)… |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:** - Vận dụng kiến thức của bài học vào việc đọc mở rộng theo thể loại.

- Nhận biết được thanh điệu, vần, nhịp trong thơ lục bát.

**3.2. Nội dung:** HS thực hành đọc cá nhân văn bản “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”.

**3.3. Tổ chức thực hiện:** Đọc diễn cảm, đúng nhịp điệu thể hiện được tình cảm của người viết thông qua ngôn từ, hình ảnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv tổ chức cuộc thi đọc những bài cao dao viết về cây lúa và sản phẩm từ lúa (yêu cầu chuẩn bị trước)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, đọc ca dao  - Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trả lời, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv chốt lại kiến thức | \* Có thể đọc một số bài ca dao  - Đôi ta như lúa đòng đòng  Đẹp duyên nhưng chẳng được lòng mẹ cha  - Lúa khô nước cạn ai ơi  Rủ nhau tát nước, chờ trời còn lâu  - Thân em như lúa nếp tơ  Xanh cây tốt rễ, phởn phơ phơi màu  - Trời mưa cho lúa thêm bông  Cho đồng thêm cá, cho sông thêm thuyền  - Ai ơi bưng bát cơm đầy  Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần  - Thân em như hạt mưa sa  Hạt vào dài các, hạt ra ruộng cày.  - Thân em như tấm lụa đào  Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**4.2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong chủ đề vừa học, cây lúa được nhắc đến mấy lần. Em hãy giải tại sao cây lúa lại xuất hiện nhiều trong thơ ca của dân tộc ta  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | \* Học sinh giải thích theo cách hiểu của riêng mình, có thể nêu một số ý:  - Cây lúa gắn liền với đời sống của người dân từ xưa đến nay. Đây là loại lương thực thiết yếu nhất trong cuộc sống.  - Không chỉ có lợi ích trong đời sống vật chất mà còn có giá trị tinh thần: là người bạn, là biểu tượng của người nông dân. Là những lễ vật thiêng liêng nhất để dâng lên bàn thờ tổ tiên |

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a. Phần vừa học:**

- Tìm them một số bài ca dao ca ngợi vẻ đẹp quê hương.

- Vẽ tranh về một nét đẹp ở vùng quê em.

**b. Phần sắp học: Thực hành tiếng Việt – nghĩa của từ.**

- Ôn lại kiến thức về nghĩa của từ đã học ở tiểu học.

- Đọc ngữ liệu ở sgk và làm bài tập/67,68,69.

- Chuẩn bị bài tập viết ngắn/69

**Ngày soạn: 30/10/2023**

**Ngày dạy: 03/11/2023**

**DẠY THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 34: NỘI DUNG: NGHĨA CỦA TỪ, BIỆN PHÁP TU TỪ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

-  Cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

**2. Năng lực:**

- Nhận biết các loại từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

**3. Phẩm chất:**Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách đặt câu của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC:**

**- Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số lớp học

**- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh:** Kiểm tra việc soạn bài. Học sinh kiểm tra chéo.

**- Kiểm tra bài cũ:** Ở bài trước, các em học về trạng ngữ, bạn nào thử nhắc lại thế nào là trạng ngữ? Đặt câu có trạng ngữ và cho biết trạng ngữ trong câu có tác dụng gì?

**2. TRONG GIỜ HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

**1.2. Nội dung:** Hs chơi trò chơi điền từ để xác định nội dung bài học

**1.3. Cách thức:**

- Giáo viên chuẩn bị nhiều thẻ từ khóa bày ra.

- Học sinh chia làm nhiều đội.

- Giáo viên đọc câu hỏi và phát hiệu lệnh.

- Đại diện các đội chạy lên cướp từ khóa là đáp án của câu hỏi. Sau một số câu hỏi nhất định đội nào có nhiều thẻ đáp án nhất thì đội đó thắng.

**?** Em hãy điền vào chỗ trống: “Trẻ em như ……………..

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”.

**?** Em hãy tìm 1 từ láy để miêu tả hình dáng con người?

**?** Em hãy cho biết từ ngữ nào xuất hiện nhiều nhất trong đoạn văn:

“Quê hương em đẹp biết bao, nơi đây có đồng lúa chín vàng, những cánh cò trắng là là bay. Các cô bác nông dân chăm chỉ làm việc quanh năm suốt tháng. Những đứa trẻ mục đồng thổi sao trên lưng trâu. Dòng sông thơ mộng chảy quanh. Em gọi to: Quê hương! Quê hương ơi!!! Phải, quê hương, nơi chúng ta sinh ra và lớn lên, đã cho ta tiếng khóc từ khi chào đời. Để cho quê hương giàu đẹp hơn, ta cần phải học tập, rèn luyện thật tốt để xây dựng quê hương.”

**?** Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:** - Kiến thức về từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

- Cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

**2.2. Nội dung:** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm và làm việc cá nhân. GV hỏi, HS trả lời

**2.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* NV1: Ôn tập về từ láy:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **?** Các từ láy: đăm đăm, mếu máo, liêu xiêu có đặc điểm âm thanh gì giống và khác nhau?  **?** Dựa vào phân tích trên, hãy phân loại từ láy và nêu đặc điểm của từng loại? Lấy VD về mỗi loại từ láy?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi, thảo luận trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* NV2: Ôn tập về nghĩa của từ ngữ:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** HS đọc 1 số VD  (1)Tập quán: thói quen của 1 cộng đồng được hình thành từ lâu trong đời sống và được mọi người làm theo  (2)Lẩm liệt: hùng dũng, oai nghiêm  (3)Nao núng: lung lay, không vững lòng tin  **?** Các chú thích trên nằm ở văn bản nào?  **?** Mỗi chú thích trên gồm mấy bộ phận?  Bộ phận nào nêu lên nghĩa của từ?  **?** Nghĩa của từ ứng với mô hình nào? Hình thức  Nội dung  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi, thảo luận trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* NV3: Ôn tập về biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu Hs theo dõi ví dụ trên máy chiếu.  VD1: “Trẻ em như búp trên cành  Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”.  VD2: “Con mèo vằn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng tính tình lại vô cùng dễ mến” (“Bức tranh của em gái tôi”- Tạ Duy Anh)  **?** Những tập hợp từ nào chứa hình ảnh so sánh?  **?** Những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau?  **?** Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy?  **?** So sánh như thế nhằm mục đích gì? (Hãy so sánh với câu không dùng phép so sánh)  **?** Chỉ ra những từ ngữ được lặp lại?  **?** Qua VD hãy chỉ rõ ra thế nào là điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi ví dụ trên máy chiếu suy nghĩ trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Từ láy:** Từ láy Có 2 loại từ láy:  -Từ láy toàn bộ:các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn  VD: đăm đăm, quanh quanh,…  -Từ láy bộ phận:giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần  VD: mếu máo, liêu xiêu…  **2. Nghĩa của từ ngữ:** Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, quan hệ hoạt động ...) mà từ biểu thị.  VD: Nao núng: lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.  **3. Biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ.**  a. So sánh  - Khái niệm: So sánh là đối chiếu sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Có 2 kiểu so sánh: so sánh ngang bằng (thường sử dụng các từ: như, giống, là,…), so sánh không ngang bằng (thường sử dụng các từ: hơn, kém,…)  b. Điệp ngữ:  - Khái niệm: Điệp ngữ là cách lặp lại một từ, cụm từ, câu nhằm nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê,…để làm nổi bật vấn đề cần nói đến.  - Có 3 dạng điệp ngữ: điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ vòng |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**3.2. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**3.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép  \* Vòng 1: Nhóm chuyên gia (10’): Gv chia lớp thành 5 nhóm, chia đều thành viên cho các nhóm:  Nhóm 1: Làm bài 1a,b  Nhóm 2: làm bài 1c,d  Nhóm 3: làm bài 2  Nhóm 4: Làm bài 3  Nhóm 5: Làm bài 4 (làm theo mẫu PHT)  \* Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép (15’)  - Hình thành 5 nhóm mới: mỗi nhóm sẽ có đủ thành viên (“chuyên gia”) của các nhóm cũ  - Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hoàn thiện bài tập ở vòng chuyên gia; báo báo và lắng nghe ở vòng mảnh ghép  - Gv quan sát, bổ sung, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV yêu cầu học sinh ở nhóm bất kì báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét phần trình bày của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1:**  a. “phồn hoa” : cảnh sống giàu có, xa hoa  “phồn vinh” : miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.  = > câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.  b. So sánh: phố – mắc cửi, đường – bàn cơ => Tác dụng: tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.  c. “ngẩn ngơ” : trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.  d. “bút hoa” : tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ  => sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.  **Bài 2:**  a. Điệp từ “sẵn” => có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu, nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.  b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.  **Bài 3:** Tìm từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A  1e – 2g – 3h – 4k – 5i – 6a – 7b – 8c – 9đ – 10d  **Bài 4:** Các từ láy trong đoạn văn: dân dã, mộc mạc, tha thiết, thiết tha, bâng khuâng, ngọt ngào, ngắn ngủi, xao xuyến.  => Nhấn mạnh sự chất phác, mộc mạc thôn quê của bài ca dao. Giúp người đọc hinh dung rõ hơn tâm trạng, cảm xúc của tác giả đối với bài ca dao. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Phát triển năng lực viết và sử dụng CNTT trong học tập.

**4.2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Làm theo nhóm 4-6  **?** Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách bảo để làm một tập ảnh (video, Inforgraphic…) về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem*.*  - Gv hướng dẫn học sinh chọn chủ đề: thiên nhiên (biển đảo, di sản Thế giới của VN, danh lam thắng cảnh địa phương, làng nghề, lễ hội truyền thống, đặc sản quê hương, người anh hùng dân tộc…)  - Sau khi chọn chủ đề sẽ chọn hình thức làm:Học sinh có thể làm tập ảnh, làm video, Inforgraphic, báo ảnh…  - Tiến hành làm, trong quá trình làm nếu có thắc mắc sẽ liên hệ với giáo viên  - Viết đoạn văn giới thiệu với  người xem (Nếu là video có thể kết hợp thuyết minh bằng phụ đề hoặc lồng tiếng)  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs chia sẻ bài viết của mình cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv nhận xét, đánh giá | - Làm được sản phẩm giới thiệu về quê hương đất nước hoặc nơi đang sinh sống theo hình thức khác nhau, đảm bảo yêu cầu  + Đúng chủ đề  + Sáng tạo, thẩm mĩ, hấp dẫn, cuốn hút  + Có đầu tư  - Viết đoạn văn giới thiệu sản phẩm  + Yêu cầu về dung lượng: 150-200 chữ  + Yêu cầu về nội dung: giới thiệu về sản phẩm  + Bày tỏ được thái độ yêu mến, trân trọng, tự hào |

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

**a. Phần vừa học:**

- Nắm vững kiến thức về từ láy, nghĩa của từ, biện pháp so sánh và điệp ngữ.

- Tìm thêm ví dụ các bài thơ được sáng tác bằng thể thơ lục bát và chỉ ra các yếu tố của thể thơ trong bài thơ đó? (Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.)

**b. Phần sắp học: Đọc mở rộng theo thể loại- Văn bản HOA BÌM**

- Tìm hiểu vài nét về tác giả Nguyễn Đức Mậu.

- Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi phần hướng dẫn đọc/70 theo hiểu biết của em.

**Ngày soạn: 30/10/2023**

**Ngày dạy: 03/11/2023**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**Tiết 35: VĂN BẢN: HOA BÌM**

**Nguyễn Đức Mậu**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Thể thơ lục bát

- Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được một số yếu tố của thể thơ lục bát (số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp).

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**3. Phẩm chất:**Yêu quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- HS chuẩn bị trước các câu hỏi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

**- Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số lớp học

**- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh:** Kiểm tra việc soạn bài: Học sinh kiểm tra chéo.

**- Kiểm tra bài cũ:**

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước.

**1.2. Nội dung:** - Kết nối kiến thức về thể thơ lục bát vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn (Thể thơ lục bát)

**1.3. Cách thức:** GV nêu câu hỏi, HS trả lời

**?** Kể tên một số thể thơ mà em biết?

**?** Trong số các bài thơ được học, đọc, bài thơ nào được viết theo thể thơ lục bát?

**?** Dấu hiệu nào giúp em nhận ra điều đó?

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**2.2. Nội dung:** - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**2.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS đọc nội dung bài thơ SGK;  - Chia 4 nhóm và giao câu hỏi:    **?** Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu vài nét khái quát về tác giả?  **?** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ “Hoa bìm”? Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ trên?  **?** Xác định tình cảm của tác giả đối với quê hương được thể hiện qua bài thơ?  **?** Nêu ít nhất một nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ?  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs đại diện trình bày kết quả của nhóm mình cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm**  - Nguyễn Đức Mậu (1948). Quê xã Nam Điền, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Từng giữ chức phó chủ tịch hội đồng Thơ - Hội nhà văn Việt Nam.  - Bài thơ viết theo thể lục bát. Xuất xứ “Thơ lục bát”, NXB Quân đội nhân dân, 2007. PTBĐ biểu cảm.  **2. Đặc điểm thơ lục bát thể hiện qua bài thơ “Hoa Bìm”:**  - Bài thơ gồm các cặp câu lục bát:  + Câu lục: 6 tiếng  + Câu bát: 8 tiếng.  - Về cách gieo vần:  + Tiếng thứ sáu của câu lục vần với tiếng thứ sáu của câu bát kế nó: bìm-tìm, ngư-hờ, sai-vài, dim-chim, gầy-đầy, tơ-nhờ  + Tiếng thứ tám câu bát vần với tiếng thứ sáu của câu lục kế theo: thơ-ngơ, gai-sai, chim-dim, mây-gầy  - Về ngắt nhịp: ngắt nhịp chẵn câu lục ngắt nhịp 2/2/2, câu bát ngắt nhịp 4/4  - Về thanh điệu: có sự phối hợp giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát: các tiếng ở vị trí 2,4,6,8 đều tuân thủ chặt chẽ theo quy định: tiếng thứ 2 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thanh trắc, tiếng thứ 6 và 8 là thanh bằng.  **3. Tác giả đã thể hiện tình cảm với quê hương** khi gợi nhắc lại những kỉ niệm của tuổi thơ, những hình ảnh giản dị, đời thường gắn với cuộc sống thường ngày. Qua đó thể hiện nỗi nhớ da diết và mong ước được trở về quê hương.  **4. Nghệ thuật:** Bài thơ được làm bằng thể thơ lục bát, ngôn ngữ bình dị thể hiện nét gần gũi với cuộc sống chốn thôn quê. Tác giả đã sử dụng điệp từ “có” kết hợp với biện pháp liệt kê để gợi nhắc những hình ảnh thân thuộc gắn bó với tuổi thơ: có con chuồn ớt lơ ngơ, có cây hồng trĩu cành sai, có con mắt lá lim dim, có con thuyền giấy….. Từ đó, tác giả đã vẽ lên một khung cảnh thiên nhiên thân thuộc, gần gũi, sống động với người đọc và bộc lộ được cảm xúc, nỗi nhớ của mình với quê hương tuổi thơ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc đọc mở rộng theo thể loại.

- Nhận biết được thanh điệu, vần, nhịp trong thơ lục bát.

**3.2. Nội dung:** HS thực hành đọc cá nhân văn bản “Hoa bìm”.

**3.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ trước lớp.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá bài đọc của bạn. | Đọc diễn cảm, đúng nhịp điệu thể hiện được tình cảm của người viết thông qua ngôn từ, hình ảnh. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**4.2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **?** Hãy tìm ví dụ về một số bài thơ lục bát về vẻ đẹp quê hương và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thể loại trong văn bản đó? (HS chỉ cần lựa chọn một văn bản để nêu ra đặc trưng). | **- GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…  **- HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet |

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

**1. Bài vừa học**:

- Học thuộc lòng bài thơ và nêu cảm nhận của em về tình cảm của tác giả dành cho quê hương.

- Trong các hình ảnh tác giả miêu tả về quê hương, em thích hình ảnh nào? Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh đó?

**2. Bài sắp học: Viết- Làm thơ lục bát**

- Đọc hướng dẫn cách làm thơ lục bát ở sgk/70-72

- Tập làm mọt bài thơ lục bát thể hiện cảm xúc, suy ngẫm của em về một cảnh đẹp hoặc một sự việc mà em từng chứng kiến.

**Tiết 37,38: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS CHÂU KIM HUỆ**  **TỔ NGỮ VĂN-TD**  **( Đề chính thức )** | **KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **NĂM HỌC: 2023 -2024**  **MÔN : NGỮ VĂN 6**  *Thời gian: 90 phút, không kể thời gian phát đề.* |

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện  cổ tích | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một truyện cổ tích | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cổ tích | **Nhận biết:** Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng :  - Thể loại:  - Nhân vật.  - Người kể chuyện và ngôi kể.  **Thông hiểu:**  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.  - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản.  - Tích hợp tiếng Việt: danh từ  **Vận dụng**:  - Rút ra bài học từ văn bản.  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng của văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một truyện cổ tích | **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích ; sử dụng ngôi kể chuyện thứ ba, thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**  **Sự tích bông hoa cúc**

Ngày xưa, đã lâu lắm rồi, không ai còn nhớ rõ là tự bao giờ. Ở một vùng nọ có hai mẹ con rất nghèo sống với nhau. Người mẹ đau yếu luôn. Mắt bà mờ dần đi, còn tai thì ù không nghe rõ. [Con gái](http://truyencotich.vn/) bà còn rất nhỏ. Bệnh tình của người mẹ ngày một nặng thêm. Bà không ăn, không ngủ được. Em bé thương mẹ lắm. Em luôn luôn ở bên mẹ, nhưng cũng không thể làm cho mẹ khỏi bệnh được. [Người ta](http://truyencotich.vn/) bảo em rằng: ở một nơi kia, có ông thầy lang giỏi, nên em quyết tâm đi tìm thầy chữa bệnh cho mẹ. Em đi suốt cả ngày đêm. Rồi một hôm em đến một ngôi chùa. Em vừa đói vừa mệt, nằm vật ra trước cổng chùa. Tấm lòng hiếu thảo của em động đến Trời Phật, nên một ông thầy chùa đi ra ngoài về, gặp thấy em, ông đưa vào chùa, và cho em ăn uống, nghe đầu đuôi câu chuyện. Thấy em hiếu thảo, ông đưa cho em một bông hoa Cúc, và dặn cách làm thuốc cho mẹ uống. Ông Sư còn cho em biết là [bông Cúc](http://truyencotich.vn/) có bao nhiêu cánh thì mẹ em sẽ sống thêm được bấy nhiêu năm. [Em bé](http://truyencotich.vn/) cám ơn rối rít, rồi mừng rỡ, em chào từ giã nhà sư ra về. Vì mong cho mẹ sống thật lâu, em ngồi xuống bên đường, lấy tay xé các cánh [hoa cúc](http://truyencotich.vn/) ra thành nhiều cánh nhỏ. Từ đó hoa Cúc có vô số cánh nhỏ li ti. Bà mẹ đã được chữa lành bệnh và sống rất lâu với người con gái hiếu thảo của mình. Ngày nay[hoa Cúc](http://truyencotich.vn/) là một trong những vị thuốc nam được dùng nhiều trong các đơn thuốc, có tên là Liêu Chi.

**Chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau:**

**Câu 1**. Truyện Sự tích bông hoa cúc thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích

B. Truyện đồng thoại

C. Truyền thuyết

D. Thần thoại.

**Câu 2**. Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Thứ nhất.

B. Thứ hai.

C. Thứ ba.

D. Không có ngôi kể

**Câu 3.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả.

B. Biểu cảm

C. Tự sự

D. Nghị luận

Câu 4: Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?

A. Em bé

B. Người mẹ

C. Ông sư

D.Bông hoa

**Câu 5:** Em bé đã làm gì để mẹ khỏi bệnh?

A.Lập tức đun thuốc chữa bệnh cho mẹ

B.Em bé đi tìm thuốc cho mẹ,

C.Em bé nhờ thầy lang chữa bệnh cho mẹ

D.Em được ông sư cho bông hoa cúc về cứu mẹ

**Câu 6**. Vì sao em bé xé các cánh hoa cúc ra vô số cánh nhỏ li ti?

A**.** Vì muốn mẹ hết bệnh và sống thật lâu.

B. Vì thích xé những cánh hoa.

C. Vì mong cho mẹ sống thật lâu.

D. Vì không thích bông hoa cúc.

**Câu 7**. Từ «  Liêu Chi » trong văn bản là từ loại gì?

A. Danh từ

B. Động từ

C. Tính từ

D. Đại từ

**Câu 8**: Hãy chọn một nhan đề phù hợp cho nội dung văn bản trên.

A. Câu chuyện về cây thuốc nam

B. Một người con hiếu thảo

C. Ông nhà sư tốt bụng

D. Phép màu của lòng tốt

**Câu 9** : Ý nghĩa của của văn bản trên muốn gởi gắm đến người đọc là gì ?

**Câu 10**? Bản thân em phải làm gì khi được đọc văn bản *Sự tích bông hoa cúc* ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em (lưu ý: không kể lại các truyện đã học có trong SGK Ngữ văn 6).

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | *A* | 0,5 |
| **2** | *C* | 0,5 |
| **3** | *C* | 0,5 |
| **4** | *A* | 0,5 |
| **5** | *D* | 0,5 |
| **6** | *A* | 0,5 |
| **7** | *A* | 0,5 |
| **8** | *B* | 0,5 |
|  | **9** | - Học sinh tự nêu: Phải có lòng hiếu thảo với cha mẹ giống như em bé trong câu chuyện | 1,0 |
|  | **10** | - Học sinh tự nêu bài học cuộc sống của bản thân  \* Gợi ý: -Hiếu thảo với cha mẹ,  -Quan tâm chăm sóc cha mẹ khi đau ốm | 1,0 |
| **II** | **VIẾT** | | **4,0** |
| Hình thức | *a. Đảm bảo thể loại, cấu trúc của một bài văn tự sự: có b*ố cục đầy đủ (*Mở bài, Thân bài, Kết bài)*, mạch lạc. (0.25)  *b. Xác định đúng vấn đề,* t*hể loại*:kể lại một truyện cổ tích; Phương thức biểu đạt: Tự sự - Ngôi kể: thứ ba. (0.25)  *c. Sáng tạo*: kể chuyện độc đáo, linh hoạt (0.5)  *d. Chính tả*: Ngôn ngữ trong sáng, diễn đạt rõ ràng; biết hình thành các đoạn văn hợp lí; không mắc lỗi về câu, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa từ vựng (0.5). | | 1,5đ |
| Nội dung | **1. Mở bài:** - Giới thiệu câu chuyện .  **2. Thân bài:** : Kể lại diễn biến câu chuyện từ mở đầu đến kết thúc theo cốt truyện đã đọc/ nghe bằng lời văn của mình.  - Đảm bảo đầy đủ các nhân vật và sự việc chính.  - Đảm bảo thứ tự trước sau của sự việc.  **3. Kết bài:** Kết thúc câu chuyện và nêu cảm nghĩ | | 0,5  1,5  0,5 |
|  | **Tổng điểm** | | **10,0đ** |

**Xác nhận của gv dạy cùng khối GV ra đề**

**Phạm Thị Bích Vân**

**Xác nhận của tổ trưởng**

**Ngày soạn: 07/11/2023**

**Ngày dạy: 11/11/2023**

**VIẾT**

**Tiết 39: NỘI DUNG: LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm nội dung, nghệ thuật của lục bát.

- Cảm xúc của người viết trước bài thơ.

**2. Về năng lực:**

- Nhận dạng được một số yếu tố thơ lục bát về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ.

- Làm được bài thơ lục bát.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu, tự hào về thiên nhiên đất nước.

- Chăm chỉ: tự giác tìm tòi, học hỏi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

- Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp học

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh: Kiểm tra việc soạn bài (Học sinh kiểm tra chéo).

- Kiểm tra bài cũ:

? Trong bốn bài ca dao đã học, em thích bài nào nhất? Vì sao?

? Thể thơ lục bát có những đặc điểm nào về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ?

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

**1.2. Nội dung:** - Biết được kiểu bài thơ lục bát.

- Nhận biết được những yếu tố cơ bản trong một bài thơ lục bát.

**1.3. Cách thức:** Kết nối với ý thế nào là bài thơ hay trong mục “*Tri thức về kiểu bài*”.

|  |
| --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv chuyển giao nhiệm vụ  **?**Em hãy đọc một bài/ đoạn thơ lục bát mà em thích? Vì sao em lại thích bài thơ/ đoạn thơ đó?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: Những bài/ đoạn thơ lục bát mà các em vừa đọc đều mang cái hay riêng. Có bài thì nội dung lắng đọng, da diết; có bài thì hình ảnh thơ độc đáo, thú vị… Các em có bao giờ đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để làm được một bài thơ lục bát chưa? Tiết học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cách làm một bài thơ lục bát nhé. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:** - Tri thức về thơ lục bát.

- Cảm xúc của người viết trước bài thơ.

**2.2. Nội dung:** HS biết được các yêu cầu đối với một bài thơ hay: Về nội dung và hình thức.

**2.3. Tổ chức thực hiện:** Bước đầu biết cách bài thơ lục bát.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv chuyển giao nhiệm vụ  - GV chiếu bài thơ Hoa bìm, yêu cầu HS quan sát.  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* NV2: Hướng dẫn Hs phân tích kiểu văn bản:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu bài thơ “Chăn trâu đốt lửa” lên bảng, chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm cụ thể như sau:  1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?  2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra sự hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Dòng/tiếng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | Bát |  |  |  |  |  |  |  |  |   3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?  4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?  5. Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?  6. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\* NV3: Thực hành làm thơ theo các bước:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chuyển giao nhiệm vụ  - GV trình chiếu và phát bảng kiểm cho học sinh  - Yêu cầu học sinh làm thơ lục bát từ những ý tưởng, hình ảnh ở bước 2, dựa theo bảng kiểm  - Sau khi làm xong, lần lượt điền các tiếng vào PHT số 1  + Dùng bảng kiểm (phụ lục) để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng(bạn bên cạnh)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn: Học sinh đọc lại các câu thơ xem đã đảm bảo các yêu cầu: cách gieo vần; phối hợp thanh điệu, ngắt nhịp, đã diễn đạt trọn vẹn ý tưởng và cảm xúc chưa; nếu chưa thì điều chỉnh, thay thế. Bài thơ có sử dụng các biện pháp tu từ không…  - HS đọc, quan sát, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung sản phẩm của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, khích lệ học sinh | **I. Thế nào là một bài thơ hay?**   |  |  | | --- | --- | | Nội dung | Hình thức | | Một bài thơ lục bát có nội dung hay là nội dung đó thể hiện được một cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị về cuộc sống. | + Ngôn ngữ: Hàm súc, gợi hình, gợi cảm.  + Sử dụng hài hoà các BPNT như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ…tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị.  + Cách gieo vần, nhịp điệu: Theo quy luật của thơ. |   **II. Sáng tác một bài thơ lục bát:**  1. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: “*Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro”* khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc bâng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.  2.Sự hiệp vần: đồng – đông, nhiều – diều – chiều.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tiếng  Dòng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục | B | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | B | T | T | **B** | B | **B** | | Lục | T | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | T | T | T | **B** | B | **B** |   3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: chăn trâu, thả diều, nướng khoai đến những nét tiêu biểu như gió đông hay khoảnh khắc hoàng hôn đến.  Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.  4. Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nước khoai, cảm nhận ấy còn được thể hiện qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông. Tất cả đã hoà quện để cùng diễn tả cảm xúc của tác giả.  5. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật, tác giả sử dụng phép đối giữa ít-nhiều, rạ rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình). Đó còn là sự liê tưởng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.  6. Từ tìm hiểu bài thơ, em học được cách làm thơ lục bát về vần, nhịp, thanh điệu:  - Số dòng, số tiếng: Bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ (tạo thành cặp)  - Gieo vần: tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai.  - Nhịp thơ: Nhịp chẵn: Câu lục: 2/2/2  Câu bát: 4/4  - Từ ngữ: Giản dị, giàu sức gợi cảm kết hợp hài hoà các biện pháp nghệ thuật để thể hiện tình cảm, cảm xúc và ý tưởng của người viết.  **III. Thực hành làm thơ theo các bước:**  1. Lựa chọn đề tài:  2. Tìm ý tưởng  3. Làm thơ lục bát  4. Chỉnh sửa và chia sẻ  - Lựa chọn đề tài sáng tác (GV gợi ý có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên để lại cho em cảm xúc sâu sắc nhất). Hoặc GV giao đề tài cho  - HS chuẩn bị ở nhà, đến lớp mời một vài em chia sẻ đề tài mình định viết. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm một bài thơ lục bát.

**3.2. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**3.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| - Giáo viên giao đề tài cho HS lựa chọn hoặc GV ấn định đề tài.  Ví dụ: Viết bài thơ lục bát nói về tình cảm gia đình.  - GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, tìm ý tưởng và viết thơ dựa vào kiến thức đã học về thể thơ lục bát.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học trong học tập.

**4.2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **?** Viết một bài thơ lục bát về một cảnh đẹp của quê hương em.  - Yêu cầu có hình ảnh minh hoạ hoặc thiết kế dưới dạng thiệp, imforgraphic.  - HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu tham khảo trên mạng internet và hoàn thành nhiệm vụ. |

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

a. Phần vừa học: - Nắm vững đặc điểm của thơ lục bát.

- Hoàn thành bài thơ lục bát của cá nhân.

b. Phần sắp học: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- Đọc dữ liệu để nắm được đặc điểm của doạn văn.

- Lựa chọn một bài thơ (bài ca dao) đã học (hoặc đọc được) làm theo thể thơ lục bát mà em thích để nêu cảm xúc của mình về bài thơ (bài ca dao) đó.

**Ngày soạn: 07/11/2023**

**Ngày dạy: 15/11/2023**

**Tiết 40,41 NỘI DUNG: VIẾT ĐOẠN VĂN**

**GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Đặc điểm, yêu cầu của đoạn văn.

**2. Năng lực:**

- Nhận biết hình thức, nội dung của đoạn văn

- Biết cách phân tích văn bản mẫu

- Nhận biết được quy trình viết

- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: tích cực học tập;

- Yêu nước: trân trọng, yêu mến các tác phẩm văn học dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- KHBD, SGK, SGV, phiếu học tập

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

- Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp học

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh: Kiểm tra việc soạn bài (Học sinh kiểm tra chéo).

- Kiểm tra bài cũ:

? Trong bốn bài ca dao đã học ở bài 3, em thích bài nào nhất? Vì sao?

? Nêu ngắn gọn cảm xúc của em về bài ca dao đó?

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

**1.2. Nội dung:** Nhận dạng được đoạn văn ghi lại cảm xúc trước một bài thơ lục bát.

**1.3. Cách thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ? Để ghi lại cảm xúc của mình trước một bài thơ hay em sẽ làm như thế nào? | Để ghi lại cảm xúc của mình trước một bài thơ hay em sẽ viết thành đoạn văn nói lên cảm nhận của mình về bài thơ đó. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:** - Tri thức về đoạn văn.

- Cảm xúc của người viết trước bài thơ.

**2.2. Nội dung:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**2.3. Tổ chức thực hiện:** Bước đầu biết cách bài thơ lục bát.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đoạn văn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu nội dung phần Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát ở SGK – Trang 78,  - GV chia 6 nhóm, yêu cầu HS quan sát, hoàn thiện các câu hỏi trong phiếu học tập:  ? Dấu hiệu nào để em nhận biết đó là một đoạn văn?  ? Về hình thức đoạn văn gồm có mấy câu? Giữa các câu được ngăn cách với nhau ntn?  ? Về nội dung đoạn văn đó thể hiện điều gì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát, lắng nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv bổ sung, nhận xét, chốt kiến thức.  **\* NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV tiếp tục yêu cầu HS quan sát nội dung Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát ở SGK – Trang 78, trả lời các câu hỏi:  ? Người viết đã sử dụng ngôi kể thứ mấy để chia sẻ cảm xúc về bài ca dao?  ? Xác định bố cục của đoạn văn?  ? Nội dung câu mở đoạn là gì?  ? Phần thân đoạn gồm những câu nào và trình bày những gì?  ? Nội dung của câu kết đoạn là gì?  ? Từ đó, em rút ra được yêu cầu gì đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv bổ sung, nhận xét  **\* NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về qui trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy viết một đoạn văn (từ 150 - 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát. Thực hiện các yêu cầu  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động viết  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv nhận xét, bổ sung bài viết của học sinh | **I. Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:**  \* Hình thức:  - Gồm nhiều câu văn (từ hai câu văn trở lên)  - Chữ cái đầu dòng được viết hoa và lùi vào đầu dòng.  - Các câu văn viết liền nhau, ngăn cách bởi dấu câu và kết thúc câu bằng dấu chấm.  **\*** Nội dung:Cảm xúc của nhân vật tôi về bài ca dao “Công cha như núi Thái Sơn”.  **=> Đoạn văn là** đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Về hình thức, đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.  **II. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:**  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc: Xưng tôi.  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở đoạn: "Công cha...công cha nghĩa mẹ" Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).  + Thân đoạn: "Với âm hưởng... công ơn trời biển ấy" gồm: Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát; Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.  + Kết đoạn: "Những câu ca dao... được trong đời". Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  **=> Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:**  - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.  - Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).  + Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  + Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  **III. Qui trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:**  \* Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.  - Xác định đề tài: Đề bài yêu cầu ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát.  - Thu thập tư liệu: Em có thể tìm và chọn một bài thơ lục bát mà em yêu thích hoặc có cảm xúc đặc biệt để viết. Ví dụ bài ca dao “Công cha như núi Thái Sơn”.  \* Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý  - Tìm ý:  + Âm thanh, vần, nhịp điệu của bài thơ và những cảm xúc mà bài thơ đã gợi cho em.  + Ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ sử dụng.  + Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.  - Lập dàn ý:  + Mở đoạn: Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả va nêu cảm xúc chung về bài thơ.  + Thân đoạn: Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về bài thơ lục bát kèm theo dẫn chứng trích dẫn từ bài thơ.  + Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của vài thơ đối với bản thân.  \* Bước 3: Viết đoạn.  \* Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc viết đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**3.2. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**3.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| - Giáo viên giao đề tài cho HS viết.  - GV hướng dẫn HS lựa chọn bài thơ (ca dao) phù hợp về thể loại, tìm ý tưởng và viết  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Phát triển năng lực viết đoạn văn, sử dụng ngôn từ.

**4.2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**4.3. Tổ chức thực hiện:** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát do em sáng tác?

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

a. Phần vừa học: - Nắm vững cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- Hoàn thành bài tập vận dụng của cá nhân.

b. Phần sắp học: Nói và nghe “Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát”

- Hoàn thành bài tập vận dụng đảm bảo yêu cầu về nội dung.

- Luyện tập nói trước gương (tổ, nhóm) về bài viết của mình.

**Ngày soạn: 07/11/2023**

**Ngày dạy: …./11/2023**

**NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 42,43 : TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**Cảm xúc về một bài thơ lục bát

**2. Về năng lực:**

- Biết cảm nhận một bài thơ lục bát.

- Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- Bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói

- Nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe

**3. Về phẩm chất:**Yêu văn chương, rèn luyện cảm xúc và kĩ năng nói

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC:**

- Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp học

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh: Kiểm tra việc soạn bài (Học sinh kiểm tra chéo).

**2. TRONG GIỜ HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

**1.2. Nội dung:** HS quan sát video, lắng nghe cảm nhận của người nói về tập thơ lục bát của tác giả Nguyễn Phúc Lộc Thành và trả lời câu hỏi của GV.

**1.3. Cách thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Liệt kê những yếu tố làm nên bài nói hấp dẫn, thu hút?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trả lời, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài. | Để nói được cảm xúc của mình về một bài thơ hay, trước hết em phải nắm kĩ nội dung của bài thơ, sau đó em sẽ viết thành đoạn văn nói lên cảm nhận của mình về bài thơ đó. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:** - Tác giả, nội dung của một bài thơ lục bát

- Cảm xúc về một bài thơ lục bát

**2.2. Nội dung:**

- Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài trình bày cảm xúc về một bài thơ

**2.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* NV1: Tìm hiểu bước 1 và 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv chuyển giao nhiệm vụ  1. Chuẩn bị nội dung  + Yêu cầu của đề tài là gì?  + Người nghe là ai?  + Mục đích nói của bài nói là gì?  + Em dự định sẽ nói ở đâu và nói trong thời gian bao lâu?  2. Tìm ý, lập dàn ý (Gv yêu cầu học sinh đọc lại đoạn văn, xác định các ý cần nói…)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, lắng nghe, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm theo ý kiến cá nhân  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước 3 và 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Giáo viên phát bảng kiểm để học định hướng tập luyện  + Tổ chức cho học sinh trao đổi, đánh giá theo hình thức nhóm đôi và góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm (Phụ lục)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh | **Bước 1. Chuẩn bị nội dung**:  - Đề tài của bài nói: Cảm nhận về một bài thơ lục bát.  - Người nghe: Cô giáo và các bạn  - Mục đích nói: Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - Không gian lớp học, thời gian nói: 5 phút  \* Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý:**  - Đọc lại đoạn văn đã viết.  - Xác định các ý.  - Liệt kê các ý bằng cách gạch đầu dòng, ghi các cụm từ chính.  **Bước 3: Luyện tập và trình bày:** Khi luyện tập cần chú ý:  + Giới thiệu rõ tên bài thơ.  + Trình bày rõ ràng, mạch lạc những cảm xúc mà bài thơ gợi ra.  + Nêu những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ làm minh chứng.  + Lựa chọn điều chỉnh một số từ ngữ, câu văn phù hợp với văn nói.  + Sử dụng cách xưng hộ và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung nói.  + Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp để thể hiện cảm xúc của bài thơ.  **Bước 4: Trao đổi, đánh giá:** Học sinh lần lượt đóng vai trò là người nói và nghe. Sử dụng bảng kiểm để tự kiểm soát mình và đánh giá phần trình bày của bạn |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:**

- Luyện kĩ năng nói cho HS

- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp, biết một số kĩ năng nói trước đám đông và điều chỉnh những yếu tố phi ngôn ngữ như: cử chỉ, ánh mắt, cách nhấn nhá câu từ sao cho phù hợp với nội dung nói.

**3.2. Nội dung:** HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.

**3.3. Tổ chức thực hiện:** Đọc lại bài thơ số 2 trong văn bản 1 (SGK trang 64-65), em hãy trình bày ngắn gọn cảm nhận của mình về bài thơ này?

- Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết

- Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ | | | |
| Nhóm:………. | | | |
| Tiêu chí | *Mức độ* | | |
| *Chưa đạt* | *Đạt* | *Tốt* |
| 1. Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát | Chưa trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát | Đã trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát nhưng chưa hay. | Bài trình bày hay và gây ấn tượng đối với người nghe. |
| 2. Nội dung phần trình bày đầy đủ, hấp dẫn, khơi gợi được hứng thú cho người nghe | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu và cảm nhận được bài thơ. Chưa có bằng chứng cụ thể trong bài thơ để làm rõ cảm xúc của người nói. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu và cảm nhận được bài thơ, có sử dụng bằng chứng cụ thể trong bài thơ để thể hiện cảm xúc nhưng chưa được rõ ràng. | Nội dung phần trình bày phong phú, hấp dẫn, sử dụng bằng chứng cụ thể trong bài thơ để làm rõ cảm xúc của người nói, khơi gợi được hứng thú cho người nghe. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi, giới thiệu và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi, giới thiệu và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi, giới thiệu và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**4.2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **?** Em hãy sưu tầm thêm những bài thơ lục bát khác viết về quê hương và sau đó trình bày cảm nhận của mình về một bài thơ mà em thích nhất. |

**3. SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

a. Phần vừa học: - Hoàn thành bài tập vận dụng đảm bảo yêu cầu về nội dung.

- Luyện tập nói trước gương (tổ, nhóm) về bài viết của mình.

b. Phần sắp học: Ôn tập chủ đề

- Đọc lại những văn bản đã học trong chủ đề.

- Hoàn thành các câu hỏi bài ôn tập

**Ngày soạn: 07/11/2023**

**Ngày dạy: …../11/2023**

**Tiết 44 ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**Ôn tập lại các kiến thức đã học.

**2. Về năng lực:**

- So sánh được các bài trong cùng chủ đề

- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát trong các bài thơ, ca dao

- Viết được đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát

- Nêu ra được bài học và cách ứng xử cá nhân sau khi học xong các văn bản và bài đã học.

**3. Về phẩm chất:**Yêu nước. Trân trọng những vẻ đẹp quê hương, đất nước; yêu mến các tác phẩm văn học của đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- KHBD, SGK, SGV

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

- Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp học

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh: Kiểm tra việc soạn bài (Học sinh kiểm tra chéo).

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ HỌC TẬP**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

**1.2. Nội dung:** GV yêu cầu một học sinh đại diện đọc một bài thơ đã sưu tầm mà em thấy tâm đắc nhất và cảm nhận về bài thơ đó (Lấy tinh thần xung phong)

**1.3. Cách thức: -** GV yêu cầu HS đọc một vài bài thơ đã sưu tầm

**-**  HS lắng nghe bạn đọc và cảm nhận, nhận xét

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI**

**2.1. Mục tiêu:**

- HS chủ động, phối hợp tốt với các bạn trong nhóm để chắt lọc những nội dung tâm đắc nhất, mạnh dạn trình bày bài nhóm và phản biện trước lớp.

- Ôn tập lại các kiến thức đã học của bài lớn, chủ động nhận thức được những giá trị to lớn của vẻ đẹp quê hương và thơ ca dân tộc.

**2.2. Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, dựa vào những gì đã chuẩn bị ở nhà, cùng thảo luận và thống nhất câu trả lời và trình bày trước lớp.

**-**  HS lắng nghe bạn đọc và cảm nhận, nhận xét.

**2.3. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1/79:** Tóm tắt nội dung và xác định thể loại của các văn bản:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản | Nội dung | Thể loại |
| Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương | Thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đất nước qua vẻ đẹp của thiên nhiên tươi đẹp trù phú, của những địa danh gắn liền với lịch sử đấu tranh anh hùng. | Ca dao. |
| Việt Nam quê hương ta | Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, của những con người lao động cần cù, chịu khó, truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng chung thuỷ, sự tài hoa của con người Việt Nam. | Thơ lục bát. |

**Câu 2/80:** Những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài ca dao:

*Sông Tô nước chảy trong ngần*

*Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa*

*Thon thon hai mũi chèo hoa*

*Lướt qua lướt lại như là bướm bay.*

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc điểm của thể thơ lục bát | Thể hiện trong bài ca dao |
| Số dòng thơ | 4 dòng (2 dòng lục, 2 dòng bát) |
| Số tiếng trong từng dòng | Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng |
| Vần trong các dòng thơ | Ngần - gần; xa - hoa - là |
| Nhịp của từng dòng thơ | Dòng 1: 2/4; Dòng 2: 4/4; Dòng 3: 2/4; Dòng 4: 4/4 |
| Về ngôn ngữ | Từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi, diễn tả cảnh thuyền buồm tấp nận trên dòng sông Tô. |
| Biện pháp nghệ thuật | + Nhân hoá (thuyền buồm chạy gần chạy xa)  + So sánh (Lướt qua lướt lại như là bướm bay)  → Khiến cho cảnh vật trở nên gần gũi, thân quen với con người. |

**Câu 3/80:** Những đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát:

|  |  |
| --- | --- |
| Phương diện | Đặc điểm |
| Hình thức | - Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu để ngắt đoạn xuống dòng  - Đoạn văn đảm bảo cấu trúc gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. |
| Nội dung | Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.  + Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  + Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  + Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. |

**Câu 4/80:** Kinh nghiệm khi viết và trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát

- Trước khi viết hoặc nói, phải xác định mục đích là gì, người đọc/người nghe là những ai. Điều đó giúp em định hướng được nội dung bài viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

- Thứ hai, cần tìm những từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc, những biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ. Từ đó, phân tích cái hay, cái đẹp của bài và nêu cảm xúc của mình.

**Câu 5/80:**

- Hình ảnh quê hương trong tâm trí em: Với mỗi người, hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí khác nhau, Với em, quê hương là chốn bình yên, được tự do vui chơi và nô đùa, được đi thả diều trên triền đê, ăn những trái cây chín mọng trong vườn của ông bà nội thoả thích.

- Ý nghĩa của quê hương đối với mỗi chúng ta: Quê hương có ý nghĩa quan trọng với mỗi người bởi đó là đó là nơi chôn rau cắt rốn, có tổ tiên, ông bà, họ hàng để nhắc nhở ta nhớ về cội nguồn của chính mình.

- Những việc em có thể làm để quê hương ngày một đẹp hơn: Để quê hương ngày càng đẹp hơn, theo em, mỗi người cần có trách nhiệm đóng góp và xây dựng được thể hiện bằng nhiều cách khác nhau: giữ gìn vệ sinh, không đổ rác bừa bãi, trồng thêm cây xanh, tôn tạo các công trình văn hoá như đền chùa, di tích lịch sử… Bên cạnh đó, mỗi người con của quê hương cần phấn đấu học thật giỏi và sau này quay về xây dựng, phát triển kinh tế để quê hương ngày càng giàu đẹp.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**3.1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**3.2. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**3.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:  Dẻo thơm hạt gạo quê hương Có cả “năm nắng mười sương” người trồng Từng bông rồi lại từng bông Trĩu cong như dáng lưng còng mẹ ta  **?** Em hãy chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong đoạn thơ trên?  **?** Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ? |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**4.1. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**4.2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**4.3. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| Từ nội dung của đoạn thơ lục bát:  *Dẻo thơm hạt gạo quê hương Có cả “năm nắng mười sương” người trồng Từng bông rồi lại từng bông Trĩu cong như dáng lưng còng mẹ ta*  **?** Em hãy viết một bài văn ngắn nêu cảm nhận về đoạn thơ trên? |

**3.SAU GIỜ HỌC: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

a. Phần vừa học: - Nắm lại kiến thức đã học trong chủ đề qua nội dung ôn tập.

- Rèn kĩ năng viết văn nghị luận, biểu cảm về một tác phẩm văn học.

b. Phần sắp học: Những trải nghiệm trong đời

Văn bản: “Bài học đường đời đầu tiên”

* Đọc phần tri thức ngữ văn để nắm được đặc điểm thể loại.
* Đọc yêu cầu cần đạt khi học bài 4 để xác định tư thế và nội dung học tập.
* Đọc văn bản, trả lời câu hỏi phần suy luận, suy ngẫm và phản hồi.
* Tìm hiểu về tác giả Tô Hoài và nội dung tác phẩm.

**KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

**Câu 1: Long Thành, trong văn bản *“Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương”* đã nhắc đến địa danh nào?**

1. Thành Thăng Long, tên gọi Hà Nội xưa.
2. Thành Thăng Long, tên gọi của cố đô Huế.
3. Thành Thăng Long, tên gọi của tỉnh Thanh Hóa ngày xưa.
4. Thành Thăng Long, tên gọi của tỉnh Nghệ An ngày xưa.

**Câu 2: Trong bài ca dao 1, văn bản *“Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương”* hình ảnh Long Thành xưa hiện ra như thế nào?**

1. Có ba mươi sáu phố, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.
2. Có ba mươi bảyphố, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.
3. Có ba mươi tám phố, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.
4. Có ba mươi chín, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.

**Câu 3: Trong bài ca dao 1, văn bản “*Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương”*, khi chia tay Long Thành, người về có tâm trạng như thế nào?**

1. Vui vẻ, vì đã được đi chơi khắp Long Thành.
2. Vui vì đã được thưởng thức các món ăn ngon ở Long Thành.
3. Nhớ cảnh ngẩn ngơ.
4. Nhớ người ngẩn ngơ.

**Câu 4: Trong bài ca dao 2, văn bản *“Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương”*, người giải đố trả lời sông sâu nhất nước ta là sông nào?**

1. Sông Hồng. B. Sông Bạch Đằng. C. Sông Cửu Long. D. Sông Lam.

**Câu 5: Trong bài ca dao 2, văn bản *“Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương”*, người giải đố trả lời núi cao nhất nước ta là núi nào?**

1. Núi Lam Sơn ở Thanh Hóa. B. Núi Dinh ở Vũng Tàu.

C. Núi Lớn ở Vũng Tàu. D. Núi Bà Đen ở Tây Ninh.

**Câu 6: Câu “*Cá tôm sẵn bát, lúa trời sẵn ăn”,* trong bài ca dao số 3, văn bản *“Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương”* ca ngợi sự trù phú của vùng nào nước ta?**

1. Vùng Tây Bắc Bộ. B. Vùng Đông Bắc Bộ.

C. Miệt Tháp Mười. D. Vùng Bắc Trung Bộ.

**Câu 7: Bài thơ *“Việt Nam quê hương ta”* của tác giả nào?**

1. Tế Hanh. B. Nguyễn Khoa Điềm. C. Tố Hữu. D. Nguyễn Đình Thi.

**Câu 8: Hình ảnh “*Áo nâu nhuộm bùn”* trong bài thơ “*Việt Nam quê hương ta”* nhằm diễn tả điều gì?**

1. Áo được nhuộm bằng bùn.
2. Sự khó khăn, vất vả, gian lao của những người lao động.
3. Sự kiên cường của những người lao động.
4. Niềm lạc quan của những người lao động.

**Câu 9: Hình ảnh nào không có trong bài thơ “*Việt Nam quê hương ta”*?**

1. Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên. B. Đạp quân thù xuống đất đen.

C. Xông lên, toàn thắng ắt về ta. D. Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.

**Câu 10: Dòng thơ “Tay người như có phép tiên” trong bài thơ “Việt Nam quê hương ta” sử dụng biện pháp tu từ nào?**

1. So sánh. B. Hoán dụ. C. Ẩn dụ. D. Nhân hóa.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| A | A | C | B | A | C | D | B | C | A |

12